

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO
BÌ BIÊN HÒA
BIEN HOA PACKAGING
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 52/ SVI-2024
No.: 52/ SVI-2024

Đồng Nai, ngày 19 tháng 07 năm 2024
Dong Nai, day 19 month 07 year 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN/ INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA/ BIEN HOA PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: SVI
- Địa chỉ/Address: Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/ Street No. 7, Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Biên Hòa City, Dong Nai Province, Viet Nam.
- Điện thoại/Tel.: 0251.3836121 - Fax: 0251.3832939 - E-mail: ducph@sovi.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2024 - Công ty CP Bao bì Biên Hòa (SOVI).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/07/2024 tại https://sovi.com.vn/?page_id=2906/ This information was published on the company's website on 19/07/2024, as at https://sovi.com.vn/?page_id=2906

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ We hereby certify that the information provided is true, correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:
BCTC Quý 2/2024.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information



PHẠM HỒNG ĐỨC/ PHAM HONG DUC
Giám đốc tài chính/ CFO

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Báo cáo tài chính quý 2 năm 2024
cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp 4703000057
3600648493

ngày 14 tháng 8 năm 2003
ngày 3 tháng 5 năm 2024

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần. lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600648493 ngày 3 tháng 5 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Jakjit Klomsing	Chủ tịch
Ông Sompob Witworrasakul	Phó Chủ tịch
Ông Hirofumi Hori	Thành viên
Ông Toshinobu Sada	Thành viên
Ông Ekarach Sinnarong	Thành viên
Ông Đinh Quang Hùng	Thành viên
Bà Saranya Skontanarak	Thành viên
Ông Piyapong Jriyasetapong	Thành viên
Ông Amnuay Pattaramongkolkul	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Krasame Singhakul	Trưởng ban
Ông Wattana Intachoom	Thành viên
Bà Theamhathai Tibfan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ekarach Sinnarong	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Diệp	Giám đốc điều hành
Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc điều hành
Ông Phạm Hồng Đức	Giám đốc tài chính

**Người đại diện
theo Pháp luật**

Ông Ekarach Sinnarong	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

Trụ sở đăng ký

Đường số 7, KCN Biên Hòa 1
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		971.307.169.416	943.124.263.576
Tiền	110	4	42.953.792.306	52.975.164.596
Tiền	111		42.953.792.306	52.975.164.596
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		459.491.000.000	410.990.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	459.491.000.000	410.990.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		302.249.164.013	321.180.782.509
Phải thu của khách hàng	131	6	292.221.390.196	311.268.190.210
Trả trước cho người bán	132	7	6.521.332.108	6.568.480.504
Phải thu khác	136	8	4.258.495.136	4.007.003.626
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(752.053.427)	(662.891.831)
Hàng tồn kho	140	10	163.937.380.402	156.581.930.590
Hàng tồn kho	141		165.652.242.499	157.372.889.339
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.714.862.097)	(790.958.749)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.675.832.695	1.396.385.881
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	2.666.662.685	1.396.385.881
Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.170.010	
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		283.437.219.259	281.219.974.144
Các khoản phải thu - dài hạn	210		103.025.000	98.025.000
Phải thu dài hạn khác	216		103.025.000	98.025.000
Tài sản cố định	220		130.257.436.656	138.718.092.317
Tài sản cố định hữu hình	221	12	130.185.503.320	138.637.858.983
Nguyên giá	222		680.262.332.157	674.120.286.278
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(550.076.828.837)	(535.482.427.295)
Tài sản cố định vô hình	227	13	71.933.336	80.233.334
Nguyên giá	228		3.048.022.613	3.048.022.613
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.976.089.277)	(2.967.789.279)
Tài sản dở dang dài hạn	240		26.074.714.562	12.882.207.253
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	26.074.714.562	12.882.207.253
Tài sản dài hạn khác	260		127.002.043.041	129.521.649.574
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	124.450.596.348	127.055.133.444
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	2.551.446.693	2.466.516.130
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.254.744.388.675	1.224.344.237.720

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		424.302.472.805	394.594.428.588
Nợ ngắn hạn	310		418.616.774.483	388.913.773.081
Phải trả người bán	311	16	288.402.716.488	302.361.261.520
Người mua trả tiền trước	312		73.170.438	21.391.884
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	7.634.171.868	10.933.342.167
Phải trả người lao động	314		9.996.361.618	10.621.264.382
Chi phí phải trả	315	18	26.085.647.294	27.633.084.458
Phải trả ngắn hạn khác	319		3.218.195.163	3.735.609.722
Vay ngắn hạn	320	19	83.206.238.459	33.607.545.793
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	273.155	273.155
Nợ dài hạn	330		5.685.698.322	5.680.655.507
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	5.685.698.322	5.680.655.607
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		830.441.915.870	829.749.809.132
Vốn chủ sở hữu	410	22	830.441.915.870	829.749.809.132
Vốn cổ phần	411	23	128.324.370.000	128.324.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411	a	128.324.370.000	128.324.370.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		636.060.646	636.060.646
Quỹ đầu tư phát triển	418		153.593.356.183	153.593.356.183
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		547.888.129.041	547.196.022.303
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421	a	513.831.686.103	414.775.186.521
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421	b	34.056.442.938	132.420.835.782
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.254.744.388.675	1.224.344.237.720

Ngày 19 tháng 7 năm 2024

Người lập:



Lý Phát
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quý 1 năm 2024 này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết số minh	Quý 2 (VNĐ)		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (VNĐ)		
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
01	25	354.570.470.458	387.476.472.075	711.385.972.266	737.319.646.085
02	25	210.366.240	380.723.481	407.943.330	1.271.636.744
Doanh thu bán hàng					
Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	25	354.360.104.218	387.095.748.594	710.978.028.936	736.048.009.341
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)					
11	26	304.556.832.863	313.748.849.876	606.861.698.789	600.898.945.492
Giá vốn hàng bán					
20	20	49.803.271.355	73.346.898.718	104.116.330.147	135.149.063.849
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)					
21	27	5.495.758.123	8.832.798.787	11.551.365.605	16.370.962.545
22	28	1.465.189.581	1.820.141.316	2.114.077.879	5.190.131.034
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>					
23	23	770.520.573	1.798.087.859	1.488.344.105	5.019.980.353
25	29	24.261.238.545	18.265.820.992	47.889.576.481	35.726.215.968
26	30	11.351.247.526	12.462.883.742	22.555.479.976	23.399.923.033
Chi phí quản lý doanh nghiệp					
30	30	18.221.353.826	49.630.851.455	43.108.561.416	87.203.756.359
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}					
31	31	190.966.201	108.366.795	1.857.563.779	212.456.666
32	32	195.813.619	152.472.936	546.468.890	497.145.735
Thu nhập khác					
Chi phí khác					
40	40	(4.847.418)	(44.106.141)	1.311.094.889	(284.689.069)
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)					
50	50	18.216.506.408	49.586.745.314	44.419.656.305	86.919.067.290
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)					

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	5.207.513.951	11.111.591.059	10.448.143.930	18.606.940.033
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52		(84.930.563)	-	(84.930.563)	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.093.923.020	38.475.154.255	34.056.442.938	68.312.127.257
Lãi trên cổ phiếu	32		1.020	2.998	2.654	5.323
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.020	2.998	2.654	5.323

Ngày 19 tháng 7 năm 2024

Người lập:



Lý Phát
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ekarach Sinnerong
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		44.419.656.305	86.919.067.290
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		15.540.303.593	18.383.242.492
Các khoản dự phòng	03		1.076.114.779	255.136.269
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		461.540.740	(96.097.354)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(11.438.144.040)	(16.062.446.602)
Chi phí lãi vay	06		1.488.344.105	5.019.980.353
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		51.547.815.482	94.418.882.448
Biến động các khoản phải thu	09		25.274.483.502	22.107.527.259
Biến động hàng tồn kho	10		(8.279.353.160)	4.515.196.828
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(37.794.345.775)	(34.074.716.381)
Biến động chi phí trả trước	12		1.334.260.292	2.619.252.710
			32.082.860.341	89.586.142.864
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.472.285.758)	(4.808.316.591)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.257.218.196)	(17.806.611.375)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		17.353.356.387	66.971.214.898
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(6.451.991.089)	(1.803.257.270)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		143.629.630	
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(447.491.000.000)	(152.380.000.000)
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn	24		398.990.000.000	167.020.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		11.006.632.683	14.023.426.190
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(43.802.728.776)	26.860.168.920

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quý 2 năm 2024 này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		222.455.509.502	276.843.198.242
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(172.856.816.836)	(336.922.046.471)
Tiền trả cổ tức	36		(33.364.336.200)	(30.027.902.580)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		16.234.356.466	(90.106.750.809)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(10.215.015.923)	3.724.633.009
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		52.975.164.596	72.529.006.552
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		193.643.633	91.690.923
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	42.953.792.306	76.345.330.484

Ngày 19 tháng 7 năm 2024

Người lập:

Lý Phát
Kế toán

Người duyệt:

Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quý 2 năm 2024 đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 12 tháng 3 năm 2012, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 3 năm 2012 của Tổng Giám đốc của HOSE với mã chứng khoán là “SVI”.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có một chi nhánh phụ thuộc (1/1/2024: một chi nhánh phụ thuộc).

Chi nhánh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chi nhánh số 3600648493-001 ngày 11 tháng 1 năm 2011, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu, và giấy chứng nhận điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Chi nhánh số 3600648493-001 ngày 25 tháng 5 năm 2024. Chi nhánh đặt tại Lô B-6A-CN Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Mỹ Phước, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 646 nhân viên (1/1/2024: 674 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 6 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |
| ▪ tài sản khác | 4 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 43 năm đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Chênh lệch giữa tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

11/04/2024
37
B1

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm của báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được trình bày theo hoạt động kinh doanh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác. Trong năm, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 và toàn bộ doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	111.079.831	158.529.447
Tiền gửi ngân hàng	42.842.712.475	52.816.635.149
	42.953.792.306	52.975.164.596

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Các khách hàng lớn (Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam, Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Công ty TNHH Nước Giải Khát Suntory Pepsico Việt Nam)	95.750.672.883	100.758.273.965
Các khách hàng khác	196.470.717.313	210.509.916.245
	292.221.390.196	311.268.190.210

7. Trả trước cho người bán

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Công nghiệp PTS	-	6.504.841.108
Công ty TNHH TM Xuất Nhập Khẩu Tam Tín	6.138.977.229	-
Các nhà cung cấp khác	382.354.879	63.639.396
	6.521.332.108	6.568.480.504

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Lãi dự thu	3.939.824.687	3.637.518.901
Đặt cọc	270.100.000	318.100.000
Tạm ứng cho nhân viên	3.600.000	2.000.000
Khác	44.967.449	49.384.725
	4.258.495.136	4.007.003.626

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<i>Nợ quá hạn</i>				
Công Ty Cổ Phần Tingo Bình Định	126.550.512	63.275.256	126.550.512	63.275.256
Công ty TNHH Kim Bách Tùng	376.934.200	376.934.200	376.934.200	376.934.200
Công ty TNHH Seven Colors	111.506.224	78.054.357	111.506.224	55.753.112
Các khách hàng khác	285.812.096	233.789.614	211.494.264	166.929.263
	900.803.032	752.053.427	826.485.200	662.891.831
		148.749.605		163.593.369



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu kỳ	662.891.831	1.309.237.093
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	89.161.596	(464.391.093)
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(181.954.169)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	752.053.427	662.891.831

10. Hàng tồn kho

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	4.926.068.583	-	4.078.266.719	-
Nguyên vật liệu	145.236.909.168	-	137.155.938.843	-
Công cụ và dụng cụ	219.476.245	-	259.521.851	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.867.257.002	-	4.156.292.819	-
Thành phẩm	9.415.771.082	(1.714.862.097)	11.560.470.970	(790.958.749)
Hàng hóa	56.388.000	-	-	-
Hàng gửi đi bán	2.930.372.419	-	162.398.137	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	165.652.242.499	(1.714.862.097)	157.372.889.339	(790.958.749)

11. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí thuê đất và phí sử dụng hạ tầng	984.249.553	-
Công cụ và dụng cụ	1.324.713.221	819.742.358
Chi phí bảo hiểm trả trước	17.649.633	28.326.000
Sửa chữa và bảo trì	225.271.608	238.001.293
Khác	114.778.670	310.316.230
	<hr/>	<hr/>
	2.666.662.685	1.396.385.881

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Sửa chữa và bảo trì VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	122.696.352.739	2.024.568.849	1.340.028.564	994.183.292	127.055.133.444
Tăng trong năm	-	196.962.800	600.450.464	192.280.000	989.693.264
Phân bổ trong năm	(1.742.980.836)	(626.763.887)	(709.221.106)	(515.264.531)	(3.594.230.360)
Số dư cuối kỳ	120.953.371.903	1.594.767.762	1.231.257.922	671.198.761	124.450.596.348

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	140.213.459.184	504.664.293.237	17.334.543.871	11.544.892.622	301.130.364	674.120.286.278
Tăng trong năm	-	7.056.571.991	-	37.500.000	-	7.094.071.991
Thanh lý, nhượng bán	-	(952.026.112)	-	-	-	(952.026.112)
Số dư cuối năm	140.213.459.184	510.768.839.116	17.334.543.871	11.582.392.622	301.130.364	680.262.332.157
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	81.410.570.199	428.240.188.736	14.822.382.891	10.739.092.605	270.192.864	535.482.427.295
Khấu hao trong năm	2.882.164.908	11.685.398.505	657.442.168	300.810.514	6.187.500	15.532.003.595
Thanh lý, nhượng bán	-	(937.602.053)	-	-	-	(937.602.053)
Số dư cuối năm	84.292.735.107	438.987.985.188	15.479.825.059	11.039.903.119	276.380.364	550.076.828.837
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	58.808.743.217	76.424.104.501	2.512.160.980	861.912.785	30.937.500	138.637.858.983
Số dư cuối năm	55.982.691.077	71.780.853.928	1.854.718.812	542.489.503	24.750.000	130.185.503.320

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là các tài sản có nguyên giá 414.339.499.255 VND đã khấu hao hết (1/1/2024: 351.708.450.129 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu VND	Phần mềm vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	232.020.000	2.715.334.724	100.667.889	3.048.022.613
Mua trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	232.020.000	2.715.334.724	100.667.889	3.048.022.613
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	232.020.000	2.635.101.390	100.667.889	2.967.789.279
Khấu hao trong kỳ	-	8.296.998	-	8.296.998
Số dư cuối kỳ	232.020.000	2.643.398.388	100.667.889	2.976.089.277
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	80.233.334	-	80.233.334
Số dư cuối kỳ	-	71.936.336	-	71.936.336

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là các tài sản có nguyên giá 2.965.022.613 VND đã được khấu hao hết (1/1/2024: 2.965.022.613 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
Số dư đầu kỳ	12.882.207.253	6.608.512.000
Tăng trong kỳ	19.358.338.559	24.158.527.770
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.165.831.250)	(17.884.832.517)
Số dư cuối kỳ	26.074.714.562	12.882.207.253

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Máy móc	13.096.861.630	12.482.207.253
Hệ thống con lăn và xe vận chuyển	6.175.332.452	-
Hệ thống điện năng mặt trời	5.396.520.480	-
Nhà xưởng Lộc An – Bình Sơn	1.400.000.000	400.000.000

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng trợ cấp thôi việc	20%	1.137.139.664	1.136.131.101
Khác	20%	1.414.307.029	1.330.385.029
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.551.446.693	2.466.516.130

16. Phải trả cho người bán

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	89.527.516.809	106.490.146.458
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	35.584.539.138	32.493.664.080
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	50.728.081.572	27.490.499.712
Các nhà cung cấp khác	112.562.578.969	135.886.951.270
	288.402.716.488	302.361.261.520
Số có khả năng trả nợ	288.402.716.488	302.361.261.520

3600
 CÔNG
 ĐỒ
 BAO
 BÌ
 BIÊN
 HÒA

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.832.210.539	6.660.409.232	(8.163.762.762)	(66.259.624.754)	328.857.009
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.016.588.217	10.448.143.930	(13.257.218.196)	-	5.207.513.951
Thuế thu nhập cá nhân (*)	1.084.543.411	8.579.442.433	(7.566.184.936)	-	2.097.800.908
Thuế khác	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
	10.933.342.167	25.688.995.595	(28.988.165.894)	(66.259.624.754)	7.634.171.868

(*) Hoàn thuế TNCN năm 2023 cho người lao động tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 : 1.358.306.565 VND

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2024 VND	Số phát sinh VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	66.268.794.764	(66.259.624.754)	9.170.010



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Lương bổ sung (Thưởng nhân viên)	20.581.651.949	27.041.143.148
Chi phí biệt phái và dịch vụ nội bộ	2.142.197.988	-
Chi phí điện	599.435.505	591.941.310
Chi phí bảo hộ lao động	1.159.200.000	-
Chi phí quà tặng Người lao động và Khách hàng	882.325.200	-
Chi phí kiểm toán BCTC	293.000.000	-
Chi phí khác	427.836.652	-
	<hr/>	<hr/>
	26.085.647.294	27.633.084.458
	<hr/>	<hr/>

33-C
4
G M A I

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	1/1/2024		Biến động trong năm		30/6/2024	
	VND		Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	33.607.545.793		222.455.509.502	172.856.816.836	83.206.238.459	
Số có khả năng trả nợ	33.607.545.793				83.206.238.459	

Số dư của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	30/6/2024		1/1/2024	
	VND		VND	VND
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH				
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Đông Nai				
Loại tiền	VND		VND	
	VND	33.607.545.793	VND	33.607.545.793
	VND	83.206.238.459	VND	-
		83.206.238.459		33.607.545.793

Các khoản vay trên không được đảm bảo.



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả cho các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	30/6/2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	273.155	262.357.266
Phân bổ trong kỳ	-	-
Sử dụng trong kỳ	-	(262.084.111)
Số dư cuối kỳ	<u>273.155</u>	<u>273.155</u>

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi việc
	VND
Số dư đầu năm	5.680.655.507
Dự phòng trích lập trong năm	63.049.835
Dự phòng sử dụng trong năm	(58.007.020)
Số dư cuối năm	<u>5.685.698.322</u>

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	444.803.089.101	727.356.875.930
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	132.420.835.782	132.420.835.782
Cổ tức (*)	-	-	-	(30.027.902.580)	(30.027.902.580)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	547.196.022.303	829.749.809.132
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	547.196.022.303	829.749.809.132
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	34.056.442.938	34.056.442.938
Cổ tức (*)	-	-	-	(33.364.336.200)	(33.364.336.200)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	547.888.129.041	830.441.915.870

(*) Tại cuộc họp ngày 29 tháng 3 năm 2024 Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức với số tiền là 33.364.336.200 VND (Cùng kỳ - tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 3 năm 2023 : 30.027.902.580 VND).

Handwritten signature

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.832.437	128.324.370.000
<hr/>		
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.832.437	128.324.370.000
<hr/>		

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 như sau

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	Tỷ lệ sở hữu
TCG Solutions Pte. Ltd	12.076.587	120.765.870.000	94,11%
Các cổ đông khác	755.850	7.558.500.000	5,89%
<hr/>			
	12.832.437	128.324.370.000	100%
<hr/>			

Công ty mẹ, TCG Solutions Pte. Ltd, được thành lập tại Singapore. Công ty mẹ cấp cao nhất, The Siam Cement Public Company Limited, được thành lập tại Thái Lan.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	21.667,73	547.158.018	39.064,7	940.273.884
EUR	261,85	6.973.000	261,47	6.906.505
		<hr/>		<hr/>
		554.131.018		947.180.389
		<hr/> <hr/>		<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	338.707.481.501	374.509.985.830
▪ Phế liệu đã bán	15.862.988.957	12.966.486.245
	<hr/> 354.570.470.458	<hr/> 387.476.472.075
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(35.014.019)	(158.009.121)
▪ Chiết khấu thương mại	(111.240.091)	(158.439.463)
▪ Hàng bán bị trả lại	(64.112.130)	(64.274.897)
	<hr/> (210.366.240)	<hr/> (380.723.481)
	<hr/> <hr/> 354.360.104.218	<hr/> <hr/> 387.095.748.594

26. Giá vốn hàng bán

	2024 VND	2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	289.689.984.826	301.142.675.017
▪ Khác	14.866.848.037	12.606.174.859
	<hr/> 304.556.832.863	<hr/> 313.748.849.876

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	5.413.586.272	8.605.187.762
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	82.171.851	131.513.671
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	96.097.354
	<hr/>	<hr/>
	5.495.758.123	8.832.798.787
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	770.520.573	1.798.087.859
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	233.128.268	20.583.033
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	461.540.740	1.470.424
	<hr/>	<hr/>
	1.465.189.581	1.820.141.316
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	10.441.494.155	4.996.972.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.743.716.812	12.339.218.246
Chi phí bằng tiền khác	2.076.027.578	929.630.002
	<hr/>	<hr/>
	24.261.238.545	18.265.820.992
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.764.769.239	7.138.634.393
Chi phí vật liệu quản lý	-	67.514.700
Chi phí đồ dùng văn phòng	351.258.013	235.644.515
Chi phí khấu hao tài sản cố định	141.633.186	240.112.143
Thuế, phí, lệ phí	32.706.138	34.861.606
Chi phí dự phòng	152.211.431	226.775.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	415.793.588	613.213.606
Chi phí bằng tiền khác	4.492.875.931	3.906.126.890
	<hr/>	<hr/>
	11.351.247.526	12.462.883.742
	<hr/>	<hr/>

BAI
TY
N
A
10/2

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	5.207.513.951	11.111.591.059
	<hr/> 5.207.513.951	<hr/> 11.111.591.059
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(84.930.563)	-
	<hr/> 5.122.583.388	<hr/> 11.111.591.059
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

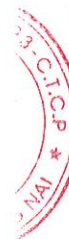
	2024	2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.216.506.408	49.586.745.314
	<hr/> 3.643.301.282	<hr/> 9.917.349.063
Thuế theo thuế suất của Công ty	1.564.212.669	1.194.241.996
Chi phí không được khấu trừ thuế	<hr/> 5.207.513.951	<hr/> 11.111.591.059
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật thuế thu nhập hiện hành. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

32. Giải trình lợi nhuận sau thuế giảm trên 10%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của quý 2.2024 giảm so với cùng kỳ: chủ yếu do giá mua nguyên liệu chính (giấy cuộn) tăng trong khi giá bán giảm.



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024	2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	13.093.923.020	38.475.154.255
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	13.093.923.020	38.475.154.255

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2024	2023
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	12.832.437	12.832.437
	<hr/>	<hr/>
Cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	12.832.437	12.832.437

34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024

Người lập:



Lý Phát
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc